

CHUYÊN MỤC TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ



A. Tình hình sản xuất kinh doanh tháng 7 năm 2011

1. Đánh giá chung.

Những thành tựu kinh tế tháng 7 năm 2011:

- *Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 7/2011 tăng.*

So với tháng trước chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 6,1% và tăng 9,6% so với cùng kỳ năm 2010. Chỉ số sản xuất công nghiệp 7 tháng năm nay tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước

- *Xuất khẩu tiếp tục tăng lên và đi liền với đó là nhập siêu giảm đi.*

Xuất khẩu ước đạt 8,4 tỷ USD, tính chung 7 tháng đầu năm 2011, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 51,46 tỷ USD, tăng 33,5% so với cùng kỳ năm trước và gấp hơn 3 lần chỉ tiêu kế hoạch đã được Quốc hội thông qua (10%). Trong khi đó, nhập siêu tháng 7 khoảng 0,2 tỷ USD bằng xấp xỉ 2,4% kim ngạch xuất khẩu. Đây là tỷ lệ nhập siêu thấp nhất trong 7 tháng qua, đưa con số nhập siêu 7 tháng chỉ bằng 12,9% tổng kim ngạch xuất khẩu.

- *Số vốn FDI đăng kí mới tăng đột biến.*

Trong tháng 7, chỉ có thêm 49 dự án được cấp chứng nhận đầu tư, thấp nhất trong khoảng 6 tháng gần đây, nhưng số vốn đăng kí mới đột ngột cộng thêm tới 3,23 tỷ USD, một con số gọi lại thời kỳ thu hút FDI "nóng bỏng" vài năm trước.

- *Khách du lịch đến Việt Nam tiếp tục tăng.*

Lượng khách quốc tế đến Việt Nam trong 7 tháng đã đạt trên 3,4 triệu lượt người, tăng tới 17,3% so với cùng kỳ năm trước. Đây là tín hiệu khả quan để cả năm nay có thể đạt trên 5,8 triệu lượt người, vượt xa so với kỷ lục 5,05 triệu lượt người của năm 2010; xuất khẩu dịch vụ du lịch có thể đạt khoảng 5,2 tỷ USD, vượt xa so với kỷ lục 4,45 tỷ USD của năm 2010.

- *Tiêu thụ trong nước tiếp tục gia tăng*

Tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 7 tháng năm 2011 ước tính đạt 1065,8 nghìn tỷ đồng, tăng 22,3% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá thì tăng 4,6%.

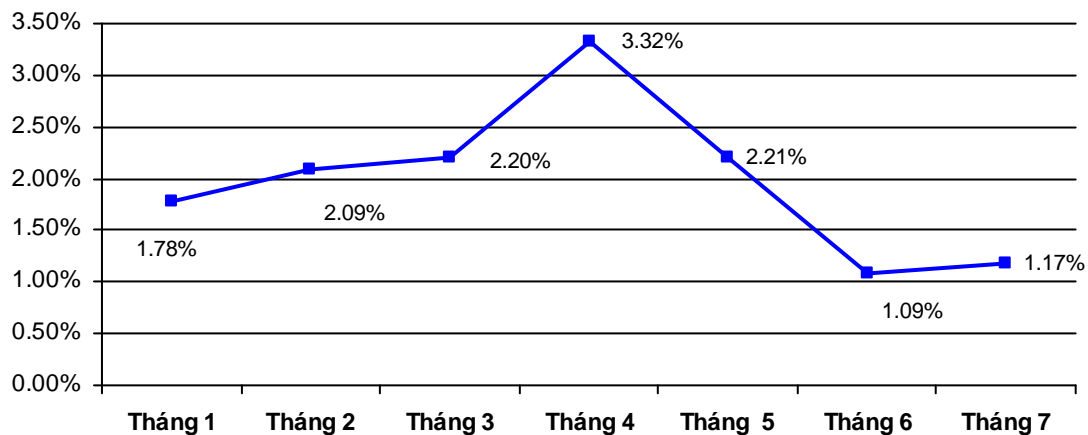
Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, nền kinh tế còn một số vấn đề tồn tại như:

Bản thông tin kinh tế - xã hội tháng 7, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

- Một là: Chỉ số giá tiêu dùng lại tăng

Chỉ số giá tiêu dùng trong tháng 7/2011 tăng khá cao so với tháng 6/2011 chủ yếu do giá cả một số mặt hàng nông sản, thực phẩm trong nước tăng cao (26,12%), nhất là các sản phẩm chăn nuôi. Như vậy, so với tháng 12/2010, chỉ số giá tiêu dùng tháng 7/2011 tăng 14,61%; so với cùng kỳ tăng 22,16%. Và tính bình quân, chỉ số giá tiêu dùng tháng 7/2011 tăng 16,89% so với cùng kỳ năm trước

Hình1: Chỉ số CPI 7 tháng đầu năm 2011



- Hai là: Chỉ số hàng tồn kho tăng

Chỉ số tồn kho của toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong 6 tháng tăng 15,9% so cùng kỳ. Những ngành có chỉ số tồn kho tăng cao như sản xuất bia tăng 94,3%; giường, tủ, bàn ghế tăng 71,7%; giày dép tăng 59,4%; đồ uống không cồn tăng 39,9%; thức ăn gia súc tăng 37,6%; sợi và dệt vải tăng 35,4%; cáp điện và dây điện có bọc cách điện tăng 34,1%; sản xuất mô tô, xe máy tăng 30%.....

- Ba là: Nợ công tiếp tục tăng

Theo báo cáo của Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại, tính đến ngày 31/12/2010, tổng số dư nợ công ở mức 1.122 nghìn tỷ đồng, tương đương 56,7% GDP năm 2010 và dự kiến tổng số nợ công sẽ ở mức khoảng 1.375 nghìn tỷ đồng, bằng khoảng 58,7% GDP năm 2011.

- Tiếp tục bội chi ngân sách.

Tổng thu ngân sách ước đạt 386,8 nghìn tỷ đồng, đạt 65% dự toán cả năm-một tỷ lệ khá cao so với con số tương ứng của cùng kỳ các năm trước. Trong khi đó Tổng chi ngân sách ước đạt 420,3 nghìn tỷ đồng, đạt 57,9% dự toán năm.

Như vậy, bội chi ngân sách 7 tháng ước tính 33,5 nghìn tỷ đồng. Tuy nhiên, tỷ lệ so với dự toán năm của thu cao hơn của chi, nên bội chi ngân sách hiện mới ở mức 25,6% dự toán cả năm được Quốc hội phê duyệt. Đây là một tín hiệu khả quan để cả năm có tỷ lệ bội chi thấp hơn năm trước và thấp hơn dự toán.

Kết quả đạt được cụ thể của từng ngành và lĩnh vực tháng 7/2011 như sau:

2. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 7/2011 tăng 6,1% so với tháng trước và tăng 9,6% so với cùng kỳ năm 2010. Chỉ số sản xuất công nghiệp bảy tháng năm nay tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Công nghiệp khai thác mỏ tăng 1,7%; công nghiệp chế biến tăng 11,9%; sản xuất, phân phối điện, ga, nước tăng 10%.

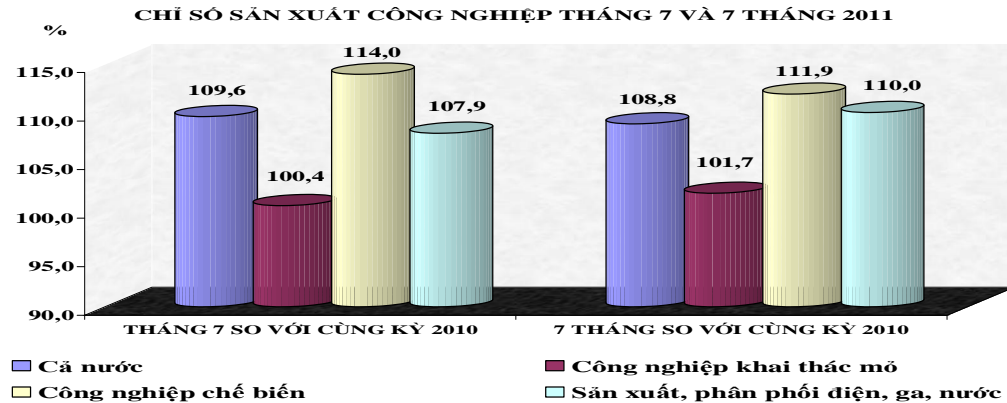
Một số ngành sản phẩm công nghiệp có chỉ số sản xuất bảy tháng tăng cao so với cùng kỳ năm trước là: Sản xuất đường tăng 44%; sản xuất đồ gốm, sứ không chịu lửa (trừ gốm sứ dùng trong xây dựng) tăng 35,7%; sản xuất các sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 24,4%; sản xuất bột thô tăng 20,5%; sản xuất đồ uống không cồn tăng 19,1%; sản xuất giấy nhãn và bao bì tăng 18,7%; sản xuất sợi và dệt vải tăng 18,2%; sản xuất trang phục (trừ quần áo da lông thú) tăng 18,2%; sản xuất bia tăng 15,6%; sản xuất sản phẩm bơ, sữa tăng 14,6%; sản xuất sắt, thép tăng 14,3%; sản xuất mô tô, xe máy tăng 14,2%; sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ tăng 14,2%. Một số ngành sản phẩm có chỉ số sản xuất tăng khá là: Sản xuất giày dép tăng 13,5%; sản xuất các sản phẩm khác từ plastic tăng 12,3%; sản xuất xi măng tăng 12%; sản xuất gạch, ngói và gốm, sứ xây dựng không chịu lửa tăng 11,2%; sản xuất, tập trung và phân phối điện tăng 10,3%; sản xuất thức ăn gia súc tăng 8,8%. Một số ngành sản phẩm có chỉ số sản xuất tăng thấp hoặc giảm là: Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản tăng 8,5%; khai thác, lọc và phân phối nước tăng 6%; khai thác và thu gom than cứng tăng 5,5%; khai thác dầu thô và khí tự nhiên tăng 0,3%; sản xuất xe có động cơ giảm 3,7%; sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu giảm 4,3%; chế biến và bảo quản rau quả giảm 10%; sản xuất cáp điện và dây điện có bọc cách điện giảm 20,4%.

Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo sáu tháng đầu năm 2011 tăng 17% so với cùng kỳ năm 2010. Các ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao là: Sản xuất các sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 71,7%; sản xuất đường tăng 49,6%; sản xuất gạch, ngói và gốm, sứ xây dựng không chịu lửa tăng 43%; sản xuất đồ gốm sứ không chịu lửa (trừ gốm sứ xây dựng) tăng 32,6%; sản xuất sơn, vec ni và các chất tương tự tăng 27%; sản xuất xe có động cơ tăng 20%; xay xát, sản xuất bột thô tăng 18,6%. Một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng chậm hoặc giảm là: Sản xuất trang phục (trừ quần áo da lông thú) tăng 16,1%; sản xuất đồ uống không cồn tăng 19,7%; sản xuất sản phẩm bơ sữa tăng 15%; sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ tăng 12,4%; sản xuất sợi và dệt vải tăng 12,3%; sản xuất mô tô, xe máy tăng

Bản thông tin kinh tế - xã hội tháng 7, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

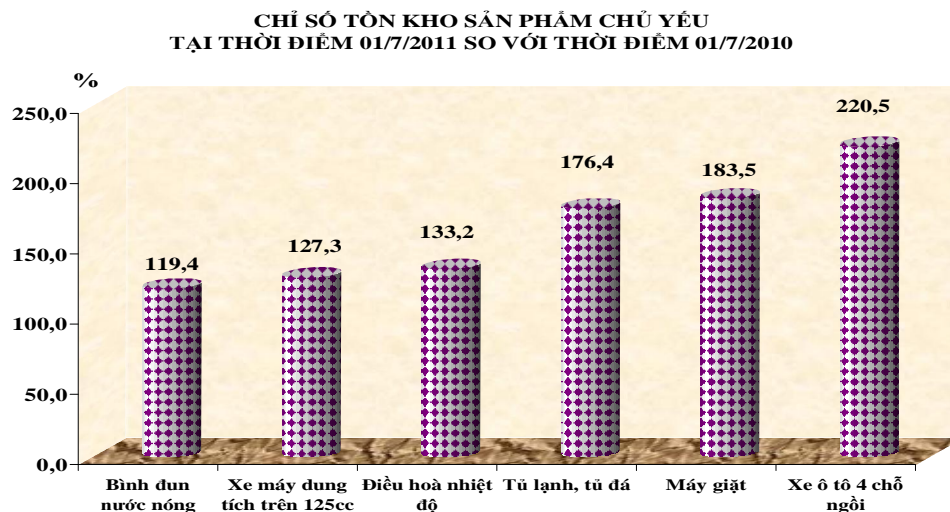
12%; sản xuất giày dép tăng 11,1%; sản xuất sắt, thép tăng 10,6%; sản xuất xi măng tăng 9,8%; sản xuất thức ăn gia súc tăng 8,1%; sản xuất bia tăng 5,8%; sản xuất bột giấy, giấy và bì tăng 5,2%; sản xuất giường, tủ, bàn ghế giảm 9,1%; chế biến và bảo quản rau quả giảm 9,5%; sản xuất cáp điện và dây điện có bọc cách điện giảm 14,2%.

Hình 2: Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 7 và 7 tháng năm 2011



Chỉ số tồn kho tại thời điểm 01/7/2011 của toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 16% so với cùng thời điểm năm trước. Trong đó, những ngành có chỉ số tồn kho tăng cao là: Sản xuất giường, tủ, bàn ghế tăng 92,4%; sản xuất đồ uống không cồn tăng 84,4%; sản xuất cáp điện và dây điện có bọc cách điện tăng 73,5%; sản xuất bia tăng 71,6%; sản xuất giày dép tăng 39,9%; sản xuất thức ăn gia súc tăng 38,4%; sản xuất sợi và dệt vải tăng 33,7%; sản xuất trang phục (trừ quần áo da lông thú) tăng 25,9%; sản xuất mô tô, xe máy tăng 25%; sản xuất xi măng, vôi, vữa tăng 22,3%; sản xuất các sản phẩm khác từ plastic tăng 21,7%.

Hình 3: Chỉ số tồn kho sản phẩm chủ yếu



Bản thông tin kinh tế - xã hội tháng 7, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

Theo kết quả điều tra lao động của 4264 doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, số lao động tháng 7/2011 ước tính tăng 0,8% so với tháng Sáu, trong đó lao động khu vực doanh nghiệp nhà nước tăng 0,2%; khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng 0,6% và khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 1,3%. Trong ba ngành công nghiệp cấp I, lao động ngành khai thác giữ ổn định; lao động ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 1%; lao động ngành điện, nước giảm 0,5%.

Biến động lao động tại các doanh nghiệp công nghiệp tháng Bảy so với tháng Sáu của một số tỉnh, thành phố có quy mô sản xuất công nghiệp lớn như sau: Số lao động của Bắc Ninh tăng 4,7%; Hải Dương tăng 2,6%; Hải Phòng tăng 1,3%; Đồng Nai tăng 0,8%; Vĩnh Phúc tăng 0,7%; Bình Dương tăng 0,6%; thành phố Hồ Chí Minh tăng 0,4%; Cần Thơ tăng 0,4%; Đà Nẵng tăng 0,3%; Bà Rịa - Vũng Tàu giảm 0,4%.

3. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

a. Nông nghiệp

Sản xuất nông nghiệp trong tháng Bảy tập trung chủ yếu vào gieo cấy lúa mùa, lúa hè thu và thu hoạch lúa hè thu sớm. Tính đến 15/7/2011, cả nước đã gieo cấy được 723 nghìn ha lúa mùa, bằng 70,6% cùng kỳ năm trước. Trong đó, các địa phương phía Bắc gieo cấy được 566,8 nghìn ha, bằng 64,1% cùng kỳ năm 2010 (Vùng đồng bằng sông Hồng gieo cấy 220,4 nghìn ha, bằng 49%), chủ yếu do thời vụ thu hoạch lúa đông xuân năm nay muộn hơn năm trước. Một số địa phương có tiến độ gieo cấy chậm là: Bắc Ninh bằng 12,8% cùng kỳ năm trước, Hải Phòng 13,9%, Hải Dương 36%, Thái Nguyên 49,6%. Các địa phương phía Nam gieo cấy được 156,2 nghìn ha, bằng 111,8% cùng kỳ năm 2010.

Cũng đến trung tuần tháng Bảy, cả nước đã gieo cấy được 2258,4 nghìn ha lúa hè thu, tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long gieo cấy 1862,7 nghìn ha, tăng 4,8%. Cùng với việc gieo cấy lúa hè thu, các địa phương vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã thu hoạch được 756,2 nghìn ha lúa hè thu sớm, chiếm 40,5% diện tích xuống giống và tăng 4,3% so với cùng kỳ năm 2010. Năng suất lúa trên diện tích đã thu hoạch đạt khá, ước tính tăng từ 1-2 tạ/ha.

Gieo trồng các loại rau, màu nhìn chung bảo đảm tiến độ. Tính đến giữa tháng Bảy, các địa phương trên cả nước đã gieo trồng được 840,8 nghìn ha ngô, bằng 97% cùng kỳ năm trước; 98 nghìn ha khoai lang, bằng 87,9%; 152,9 nghìn ha đậu tương, bằng 97,6%; 199,9 nghìn ha lạc, bằng 101,9%; 631 nghìn ha rau, đậu, bằng 104,6%.

Chăn nuôi

Chăn nuôi có chiều hướng thuận lợi do dịch bệnh trên vật nuôi cơ bản đã được khống chế và giá bán sản phẩm chăn nuôi đang ở mức cao. Đàn trâu, bò tháng Bảy ước tính xấp xỉ cùng kỳ năm trước; đàn gia cầm tăng 5-6%; đàn lợn tuy giảm 2-3% nhưng dịch tai xanh đã cơ bản được khống chế; bên cạnh đó, giá tiêu thụ tăng trên thị trường cùng với nhiều giải pháp đang được các địa phương thực hiện nhằm khuyến khích các hộ mạnh dạn đầu tư tái đàn nên chăn nuôi lợn có xu hướng phát triển tốt.

Tính đến ngày 21/7/2011, dịch tai xanh trên lợn và dịch lở mồm, long móng trên gia súc đã được khống chế trong phạm vi cả nước, dịch cúm gia cầm chưa qua 21 ngày còn ở 2 tỉnh là Quảng Trị và Phú Thọ.

b. Lâm nghiệp

Trong tháng Bảy, diện tích rừng trồng mới tập trung tại các địa phương ước tính đạt 32,1 nghìn ha; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 16,1 triệu cây; sản lượng gỗ khai thác đạt 342 nghìn m³. Tính chung bảy tháng, diện tích rừng trồng mới tập trung đạt 83,6 nghìn ha, bằng 85,9% cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 124,1 triệu cây, bằng 100,3%; sản lượng gỗ khai thác đạt 2349 nghìn m³, tăng 12,6%; sản lượng củi khai thác 16,5 triệu ste, tăng 2,6%.

Thời tiết khô hanh và nắng nóng kéo dài nhiều ngày trong tháng ở khu vực miền Trung và Nam Bộ, đặc biệt ở các tỉnh từ Nghệ An đến Phú Yên đã gây ra tình trạng cháy rừng tại một số địa phương. Diện tích rừng bị thiệt hại trong tháng Bảy là 213,8 ha, bao gồm: Diện tích rừng bị cháy là 180 ha; diện tích bị chặt phá là 33,8 ha. Riêng vụ cháy rừng trồng (chủ yếu là keo và bạch đàn) tại Phú Yên đã làm hơn 100 ha rừng bị thiệt hại. Tính chung bảy tháng, diện tích rừng bị thiệt hại là 1747,8 ha, bao gồm: Diện tích rừng bị cháy là 856 ha; diện tích rừng bị chặt phá là 891,8 ha. Trong kỳ đã xảy ra dịch châu chấu cắn phá rừng thông và phi lao chần sóng tại Quảng Bình làm thiệt hại 560 ha, các cơ quan chức năng đang phối hợp tìm giải pháp diệt trừ nhằm ngăn chặn dịch lây lan trên diện rộng để bảo vệ rừng.

c. Thủy sản

Sản lượng thủy sản tháng 7/2011 ước tính đạt 484 nghìn tấn, tăng 4,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó cá 360 nghìn tấn, tăng 4%; tôm 74 nghìn tấn, tăng 5,4%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng tháng Bảy ước tính đạt 303 nghìn tấn, tăng 5,1% so với cùng kỳ năm 2010, trong đó cá 220 nghìn tấn, tăng 5%; tôm 65 nghìn tấn, tăng 5,7%. Tôm nuôi tại các địa phương đang trong kỳ thu hoạch vụ chính, trong đó Cà Mau thu hoạch 11 nghìn tấn; Bến Tre 4 nghìn tấn; Bạc Liêu 3,9 nghìn tấn. Nuôi trồng cá tra đang gặp nhiều khó khăn về thị trường tiêu thụ, nguồn vốn và giá bán sản phẩm nên diện tích thả nuôi bị hạn chế: An Giang có

924 ha, xấp xỉ cùng kỳ năm trước; Cần Thơ 647 ha, tăng 1,6%; Đồng Tháp 1425 ha, giảm 2,5%.

Sản lượng thủy sản khai thác tháng Bảy đạt 181 nghìn tấn, tăng 2,7% so với cùng kỳ năm 2010, trong đó khai thác biển đạt 164 nghìn tấn, tăng 2,8%. Thời tiết biển tương đối thuận lợi cho hoạt động đánh bắt thủy sản. Nhiều loại cá, mực xuất hiện trên các ngư trường miền Trung và Nam Bộ đã khuyến khích ngư dân ra khơi đánh bắt.

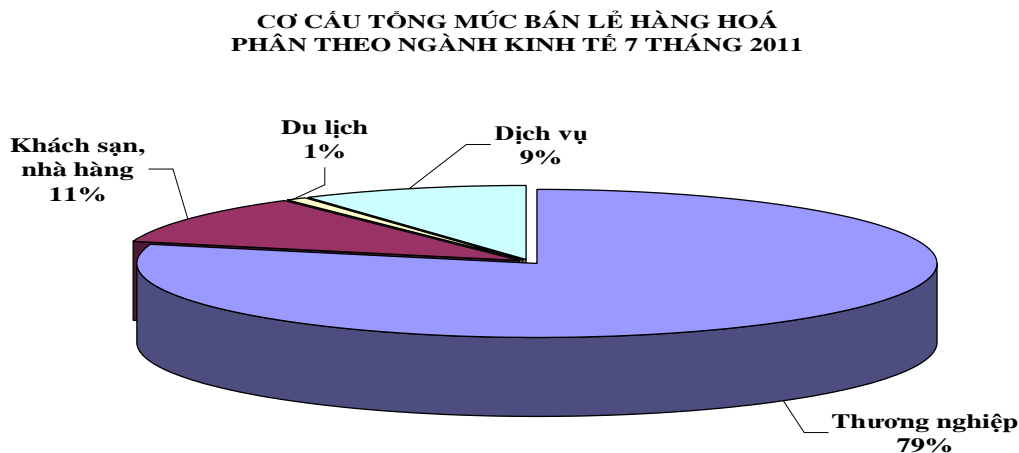
Tính chung bảy tháng năm 2011, tổng sản lượng thủy sản ước tính đạt 2995 nghìn tấn, tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm sản lượng nuôi trồng đạt 1563 nghìn tấn, tăng 5,1%; sản lượng khai thác đạt 1432 nghìn tấn, tăng 1,5% (khai thác biển đạt 1334 nghìn tấn, tăng 1,6%). Khai thác cá ngừ đại dương được lợi về giá, một số tỉnh đạt sản lượng cao là: Phú Yên 5342 tấn, tăng 12% so với cùng kỳ năm trước; Bình Định 3761 tấn, tăng 10,6%.

4. Hoạt động dịch vụ

a. Bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Thị trường trong nước tháng 7 ổn định, hàng hóa, dịch vụ phục vụ hè sôi động do nhu cầu mua sắm, vui chơi giải trí tăng. Nguồn cung hàng hóa đa dạng, phong phú về chất lượng và xuất xứ, đổ dồn về hai thành phố lớn là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh để đáp ứng nhu cầu thị trường tăng đột biến trong mùa thi đại học, cao đẳng. Vì vậy, tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ xã hội tháng 7 ước đạt 154,4 nghìn tỷ đồng, tăng 0,9% so với tháng 6; tính chung 7 tháng ước đạt 1.065,8 nghìn tỷ đồng, tăng 22,3% so với cùng kỳ, trong đó: ngành thương nghiệp ước đạt 843,4 nghìn tỷ đồng, tăng 22,5% và chiếm tỷ trọng 79,1%; khách sạn, nhà hàng ước đạt 115,2 nghìn tỷ đồng, tăng 20,9% và chiếm tỷ trọng 10,8%; dịch vụ ước đạt 96,5 nghìn tỷ đồng, tăng 23,4% và chiếm tỷ trọng 9,1%; du lịch ước đạt 10,7 nghìn tỷ đồng, tăng 16,9% và chiếm tỷ trọng 1,0%.

Hình 4: Cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hóa theo ngành



b. Vận tải hành khách và hàng hoá

Vận tải hành khách bảy tháng năm 2011 ước tính đạt 1593,7 triệu lượt khách, tăng 12,9% và 68,5 tỷ lượt khách.km, tăng 11,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vận tải hành khách đường bộ ước tính đạt 1463,6 triệu lượt khách, tăng 13,3% và 51,3 tỷ lượt khách.km, tăng 12,3%; đường sông đạt 111 triệu lượt khách, tăng 8,5% và 2,4 tỷ lượt khách.km, tăng 12,7%; đường sắt đạt 7,3 triệu lượt khách, tăng 3,3% và 2,8 tỷ lượt khách.km, tăng 3,9%; đường hàng không đạt 8 triệu lượt khách, tăng 14,6% và 11,8 tỷ lượt khách.km, tăng 10,7%; đường biển 3,9 triệu lượt khách, tăng 3,6% và 239,7 triệu lượt khách.km, tăng 4,8%.

Khối lượng hàng hoá vận chuyển bảy tháng năm nay ước tính đạt 457,7 triệu tấn, tăng 11% và 123,7 tỷ tấn.km, tăng 4,8% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Vận tải trong nước đạt 431,3 triệu tấn, tăng 12,3% và 42,1 tỷ tấn.km, tăng 8,7%; vận tải ngoài nước đạt 26,4 triệu tấn, tăng 2,5% và 81,6 tỷ tấn.km, tăng 2,1%. Vận tải hàng hoá đường bộ bảy tháng ước tính đạt 349,4 triệu tấn, tăng 12,5% và 18,8 tỷ tấn.km, tăng 11% so với cùng kỳ năm trước; đường sông đạt 72,5 triệu tấn, tăng 8,5% và 9,8 tỷ tấn.km, tăng 8,8%; đường biển đạt 31,4 triệu tấn, tăng 2,8% và 92,5 tỷ tấn.km, tăng 3,1%; đường sắt đạt 4,3 triệu tấn, giảm 5,7% và 2,4 tỷ tấn.km, tăng 5%.

c. Bưu chính, viễn thông

Số thuê bao điện thoại phát triển mới bảy tháng năm 2011 đạt 5,7 triệu thuê bao, giảm 30,9% so với cùng kỳ năm 2010, bao gồm 36,4 nghìn thuê bao cố định, giảm 76,2% và gần 5,7 triệu thuê bao di động, giảm 30,1%. Số thuê bao điện thoại cả nước tính đến cuối tháng 7/2011 ước tính đạt 128,1 triệu thuê bao, tăng 4,3% so với cùng thời điểm năm trước, bao gồm 15,5 triệu thuê bao cố định, tăng 0,4% và 112,6 triệu thuê bao di động, tăng 4,8%.

Số thuê bao internet băng rộng trên cả nước tính đến hết tháng 7/2011 ước tính đạt 4 triệu thuê bao, tăng 19% so với cùng thời điểm năm trước. Số người sử dụng internet tại thời điểm cuối tháng 7/2011 đạt 31,1 triệu người, tăng 24% so với cùng thời điểm năm trước. Tổng doanh thu thuần bưu chính, viễn thông bảy tháng ước tính đạt 84,1 nghìn tỷ đồng, tăng 18,9% so với cùng kỳ năm 2010

d. Khách quốc tế đến Việt Nam

Khách quốc tế đến nước ta bảy tháng năm 2011 ước tính đạt 3425,8 nghìn lượt người, tăng 17,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đến với mục đích du lịch, nghỉ dưỡng đạt 2053,4 nghìn lượt người, tăng 11,3%; đến vì công việc 570,3 nghìn lượt người, giảm 2,6%; thăm thân nhân đạt 585,9 nghìn lượt người, tăng 68,7%. Khách quốc tế đến nước ta bằng đường hàng không là 2874,3 nghìn lượt người, tăng 22,6% so với cùng kỳ năm 2010; đến bằng đường biển 22 nghìn lượt người, giảm 21,4%, đến bằng đường bộ 529,5 nghìn lượt người, giảm 3,4%.

Trong bảy tháng năm nay, khách quốc tế đến Việt Nam từ hầu hết các quốc gia và vùng lãnh thổ đều tăng so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đến từ Trung Quốc đạt 785,7 nghìn lượt người, tăng 53,5%; Hàn Quốc 300,7 nghìn lượt người, tăng 4%; Hoa Kỳ 273,4 nghìn lượt người, tăng 2,5%; Nhật Bản 268,5 nghìn lượt người, tăng 11,7%; Cam-pu-chia 248,6 nghìn lượt người, tăng 74,2%; Đài Loan 209,8 nghìn lượt người, tăng 5,4%; Ô-x-trây-li-a 170,8 nghìn lượt người, tăng 2,3%; Ma-lai-xi-a 137,3 nghìn lượt người, tăng 18,7%; Pháp 122,9 nghìn lượt người, tăng 4,5%; Xin-ga-po 102 nghìn lượt người, tăng 10,6%.

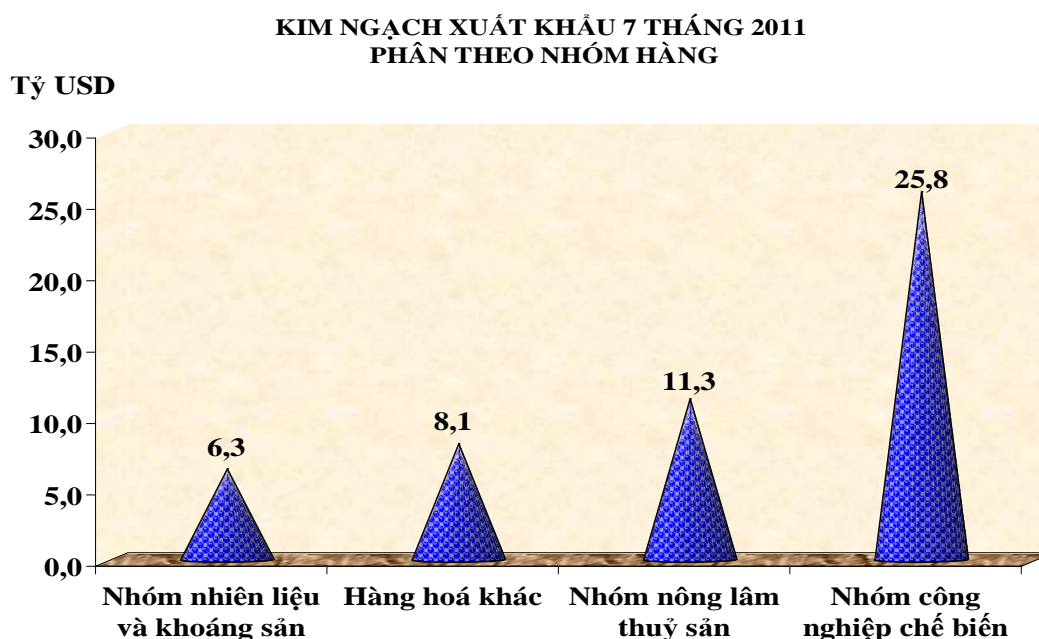
5. Xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ

a. Xuất khẩu hàng hoá

Kim ngạch xuất khẩu tháng 7 ước đạt 8,4 tỷ USD, giảm 0,7% so với tháng 6 nhưng tăng 38,5% so với tháng 7/2010, trong đó, xuất khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) ước đạt 3,75 tỷ USD, giảm 2,2% so với tháng 6 nhưng tăng 24,5% so với tháng 7/2010.

Tính chung 7 tháng, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 51,46 tỷ USD, tăng 33,5% so với cùng kỳ, trong đó, xuất khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) ước đạt 23,7 tỷ USD, tăng 32,8%. Đến nay có 13 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD là: thủy sản; cà phê; gạo; cao su; dầu thô; xăng dầu; sản phẩm gỗ; hàng dệt may mặc; giày dép các loại; đá quý và kim loại quý; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác; phương tiện vận tải và phụ tùng

Hình 5: Kim ngạch xuất khẩu 7 tháng đầu năm 2011



Bản thông tin kinh tế - xã hội tháng 7, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

Xét theo nhóm hàng, so với cùng kỳ, kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản ước đạt trên 11,26 tỷ USD, tăng 38,8% và chiếm tỷ trọng 21,9% trong tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó, một số mặt hàng có kim ngạch tăng trưởng mạnh như: cà phê tăng 83,7%, hạt tiêu tăng 63,9%, sắn và các sản phẩm từ sắn tăng 81,5%, cao su tăng 77,2%, ... riêng mặt hàng chè các loại giảm 0,7%; kim ngạch xuất khẩu nhóm nhiên liệu, khoáng sản ước đạt 6,34 tỷ USD, tăng 37,6% và chiếm tỷ trọng 12,3%, trong đó: xăng dầu tăng 68,8%, quặng và khoáng sản tăng 63,7%, dầu thô tăng 39,1%. Riêng mặt hàng than đá chỉ tăng 8,1%; kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng công nghiệp chế biến ước đạt 25,76 tỷ USD, tăng 24,3% và chiếm tỷ trọng 50,0%, trong đó: sản phẩm hóa chất tăng 51,8%, sắt thép các loại tăng 44,2%, chất dẻo nguyên liệu tăng 36,4%, túi sách, vali, mũ tăng 35,6%, sản phẩm từ sắt thép tăng 32,8%,...; nhóm hàng hóa khác ước đạt 8,11 tỷ USD, tăng 58,6% và chiếm tỷ trọng 15,8% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

Xét về giá, so với cùng kỳ, giá nhiều mặt hàng xuất khẩu tăng như: nhân điều tăng 44,7%, cà phê tăng 55,6%, chè các loại tăng 4,3%, hạt tiêu tăng 68,5%, gạo tăng 1,4%, sắn và sản phẩm từ sắn tăng 30,8%, cao su tăng 59,0%, than đá tăng 24,0%, dầu thô tăng 44,7%, xăng dầu các loại tăng 39,2%, quặng và khoáng sản khác tăng 16,7%, sắt thép tăng 19,9%, chất dẻo nguyên liệu tăng 13,5%.

Xét về lượng, so với cùng kỳ, một số mặt hàng có lượng xuất khẩu tăng cao như: quặng và các khoáng sản khác tăng 40,3%, sắn và các sản phẩm sắn tăng 38,8%, xăng dầu tăng 21,3%, sắt thép tăng 20,3%, chất dẻo nguyên liệu tăng 20,1%, cà phê tăng 18%, gạo tăng 9,0%. Tuy nhiên, một số mặt hàng lượng xuất khẩu giảm đáng kể như: nhân điều giảm 16,9%, chè giảm 4,8%, than đá giảm 12,8%, dầu thô giảm 3,9%.

Nhìn chung, xuất khẩu vào các khu vực thị trường đều có mức tăng trưởng khá cao: xuất khẩu vào ASEAN tăng 19,0% và chiếm tỷ trọng 14,3%; xuất khẩu vào Nhật Bản tăng 23,1% và chiếm tỷ trọng 9,9%; xuất khẩu vào Trung Quốc tăng 57,7% và chiếm tỷ trọng 10,5%; xuất khẩu thị trường Mỹ tăng 20,1% và chiếm tỷ trọng hơn 17,9%; xuất khẩu vào EU tăng 47,1% và chiếm tỷ trọng 17,1%

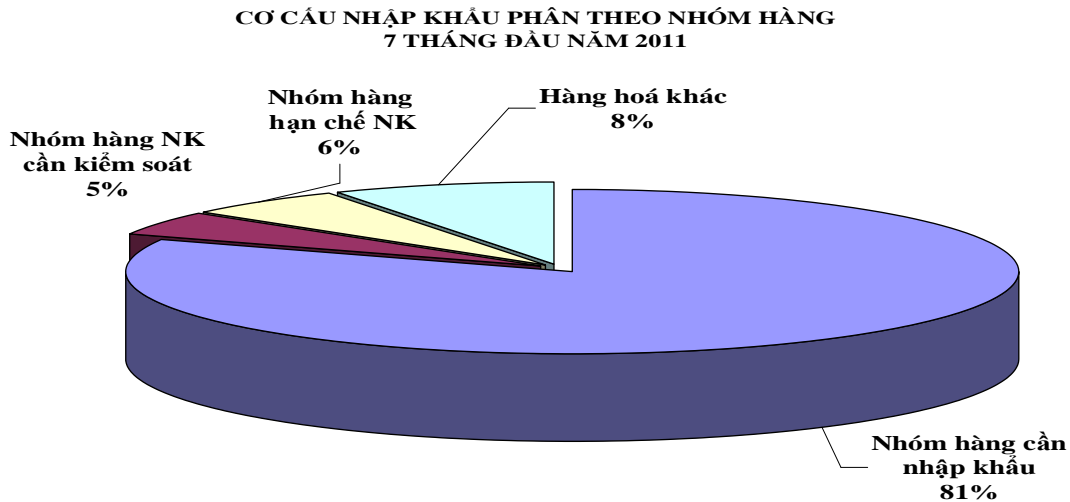
b. Nhập khẩu hàng hoá

Kim ngạch nhập khẩu hàng hoá tháng 7 ước đạt 8,6 tỷ USD, giảm 0,2% so với tháng 6 nhưng tăng 21,2% so với tháng 7/2010, trong đó: kim ngạch nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 3,85 tỷ USD, tăng 0,2% so với tháng 6 và tăng 23,4% so với tháng 7/2010.

Tính chung 7 tháng, kim ngạch nhập khẩu ước đạt 58,1 tỷ USD tăng 26,2% so với cùng kỳ, trong đó: kim ngạch nhập khẩu của các doanh nghiệp 100% vốn trong

nước đạt 32,69 tỷ USD, tăng 23,8% so với cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 56,3%; kim ngạch nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 25,42 tỷ USD, tăng 29,5% so với cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 43,7% tổng kim ngạch nhập khẩu cả nước (Phụ lục 9).

Hình 6: Cơ cấu nhập khẩu phân theo nhóm hàng



Xét theo nhóm hàng, so với cùng kỳ, kim ngạch của nhóm hàng cần nhập khẩu ước đạt 47,3 tỷ USD, tăng 24,8% và chiếm tỷ trọng 81,4%; kim ngạch của nhóm hàng cần kiểm soát nhập khẩu ước đạt 2,77 tỷ USD tăng 16,6% và chiếm tỷ trọng 4,8%; kim ngạch của nhóm hàng cần hạn chế ước đạt 3,31 tỷ USD, tăng 9,7% và chiếm tỷ trọng 5,7%; nhóm hàng hóa khác ước đạt 2,74 tỷ USD, tăng 71,9%, chiếm tỷ trọng 8,1%.

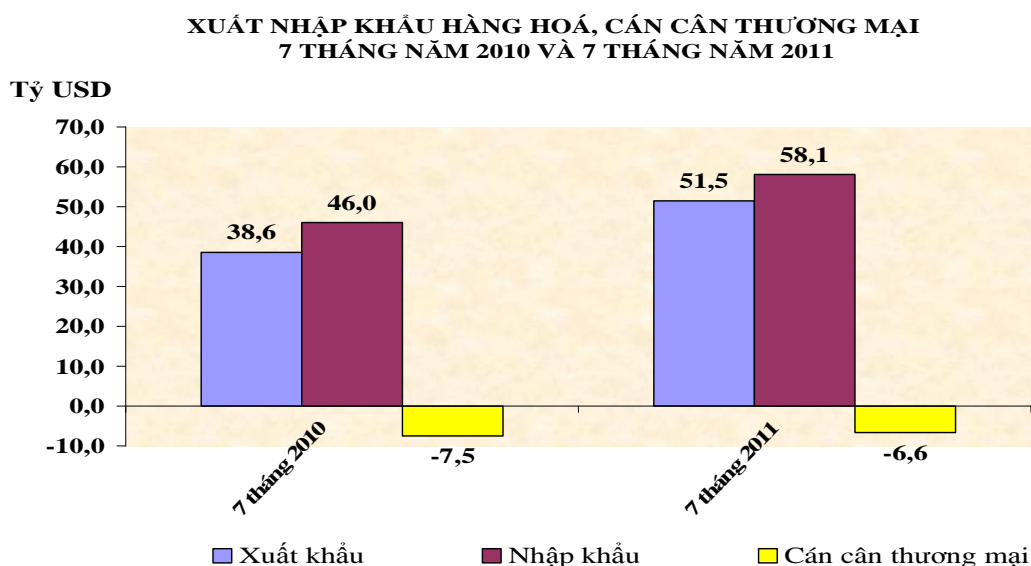
Xét về giá và lượng nhập khẩu, so với cùng kỳ, nhiều mặt hàng có khối lượng và giá nhập khẩu tăng. Các mặt hàng là nguyên liệu phục vụ sản xuất và hàng tiêu dùng đều tăng, trong đó có những mặt hàng tăng mạnh như: bông tăng 97,7%, lúa mì tăng 70,5%, phân bón tăng 63,9%, xăng dầu các loại tăng 58,5%, cao su các loại tăng 54,2%, sợi các loại tăng 51,8%,... Thậm chí, những mặt hàng thuộc nhóm cần hạn chế nhập khẩu cũng tăng như: ô tô nguyên chiếc dưới 9 chỗ tăng 63,8%, hàng tiêu dùng các loại (trừ ô tô dưới 9 chỗ) tăng 6,4%,...

Về thị trường nhập khẩu, nhập khẩu từ thị trường Châu Á tăng 28,7% và chiếm tỷ trọng khoảng 79,3% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam, trong đó: Trung Quốc tăng 21,5%, chiếm tỷ trọng 23,6%, ASEAN tăng 33,0%, chiếm tỷ trọng 20,4%, Hàn Quốc tăng 37,8%, chiếm tỷ trọng 12,4%, Nhật Bản tăng 14,4%, chiếm tỷ trọng 9,6%. Nhập khẩu từ thị trường EU tăng 20,6% và chiếm tỷ trọng 7,2%

c. Cán cân thương mại.

Ước nhập siêu 7 tháng gần 6,64 tỷ USD, chiếm 12,9% kim ngạch xuất khẩu, trong đó, khối doanh nghiệp đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) nhập siêu hơn 1,7 tỷ USD. Tỷ lệ nhập siêu giảm dần (6 tháng là 14,95%) và chủ yếu từ các nước như Trung Quốc, ASEAN, Hàn Quốc, Đài Loan.

Hình 7: Cán cân thương mại 7 tháng đầu năm 2011 so với 2010



6. Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 7/2011 tăng 1,17% so với tháng trước, chủ yếu do tác động của nhóm hàng thực phẩm tăng 3,2% và ăn uống ngoài gia đình tăng 1,78%. Các nhóm hàng hoá và dịch vụ còn lại có chỉ số giá tăng thấp hơn gồm: May mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,74%; đồ uống và thuốc lá tăng 0,63%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,61%; văn hoá, giải trí và du lịch tăng 0,44%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,4%; nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,36%; giao thông và giáo dục đều tăng 0,26%. Riêng nhóm bưu chính viễn thông có chỉ số giá giảm 0,02%.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 7/2011 so với tháng 12/2010 tăng 14,61%; so với cùng kỳ năm trước tăng 22,16%. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân bảy tháng năm nay so với bình quân cùng kỳ năm 2010 tăng 16,89%.

Chỉ số giá vàng tháng 7/2011 tăng 0,87% so với tháng trước; tăng 6,10% so với tháng 12/2010 và tăng 34,62% so với cùng kỳ năm 2010. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 7/2011 giảm 0,18% so với tháng trước; tăng 0,06% so với tháng 12/2010 và tăng 8,88% so với cùng kỳ năm 2010.

Thực hiện công điện 1120/CD-TTg ngày 09 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ và chỉ đạo của Bộ Công Thương về việc đẩy mạnh sản xuất, bám sát thị trường tiêu thụ các mặt hàng chủ yếu, tránh đầu cơ găm hàng và lũng loạn thị trường, các doanh nghiệp sản xuất cũng như phân phối trong ngành cần có kế hoạch đầu tư cho hệ thống phân phối sản phẩm của mình nhằm đảm bảo đầu ra vững chắc, qua đó giữ vững được vị trí điều tiết thị trường trước sức ép cạnh tranh ngày càng gay gắt của các sản phẩm nhập khẩu.

B. Tin vắn

1. ADB: Quý 2/2011, kinh tế Việt Nam tăng chậm

Theo báo cáo mới nhất về Kinh tế châu Á của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), GDP của Việt Nam trong quý 2/2011 dự kiến tăng chậm khi chính phủ thực thi chính sách thắt chặt tiền tệ và cắt giảm chi tiêu công nhằm kiềm chế lạm phát.

Cụ thể, trong quý 1/2011, tốc độ tăng trưởng GDP giảm nhẹ, đạt mức 5,4% và trong quý 2/2011 dự kiến chỉ đạt 5,7%. Tính chung cả năm 2011, GDP Việt Nam dự báo sẽ ở mức 6,1% và kỳ vọng tăng trưởng 6,7% trong năm 2012.

Không chỉ kinh tế Việt Nam tăng trưởng chậm lại mà các nền kinh tế Đông Á mới nổi khác cũng sẽ có tốc độ vừa phải trong năm nay và năm 2012. ADB dự đoán, tăng trưởng GDP chung của các nền kinh tế Đông Á mới nổi đạt 7,9% trong năm 2011 và 7,7% trong năm 2012.

ADB cho rằng, lạm phát và nhu cầu bên ngoài yếu là nguyên nhân chính khiến tăng trưởng kinh tế giảm sút.

Theo ADB, lạm phát ở châu Á đang dao động ở khoảng 3-6%. Trong đó, Việt Nam ghi nhận mức lạm phát cao nhất trong khu vực với 20,8%.

VND cũng là đồng tiền duy nhất trong khu vực giảm giá so với USD, với việc mất 9,3% giá trị trong tháng 2 do thâm hụt tài khoản vãng lai lớn và dự trữ ngoại hối thấp.

Thị trường chứng khoán Việt Nam mất gần 11,2% giá trị, mức giảm lớn nhất trong khu vực đông Á.

“Tăng trưởng đang chậm lại ở hầu hết các nền kinh tế Đông Á mới nổi do các chính quyền rút dần các biện pháp kích thích tài khóa và thực thi chính sách tiền tệ thắt chặt để đối phó với lạm phát đang tăng cao. Thật ra đó là một điều tốt để những nền kinh tế lớn như Trung Quốc không rơi vào tình trạng phát triển quá nóng”, ông Iwan Azis, Chủ nhiệm Văn phòng Hội nhập Kinh tế Khu vực của ADB phát biểu.

Báo cáo của ADB cũng cho biết, trong quý 2/2011, nền kinh tế lớn nhất khu vực này sẽ có mức tăng trưởng 9,5%, giảm nhẹ so với mức 9,7% đạt được trong quý 1/2011. Dự đoán cả năm 2011, tăng trưởng kinh tế Trung Quốc sẽ đạt ở mức ổn định 9,6% và 9,2% trong năm 2012.

Theo ADB, triển vọng kinh tế khu vực nói chung hiện đang phụ thuộc vào các yếu tố chính: lạm phát tăng cao sẽ dẫn đến quy luật vòng xoáy lương-giá; sự hồi phục kinh tế yếu hơn mức dự đoán của Nhật Bản và các vấn đề về nợ không được giải quyết tại Hoa Kỳ và khu vực đồng euro; thị trường tài chính biến động hơn; và dòng vốn đầu tư không ổn định.

Dantri (ngày 28/7/2011)

2. "Lạm phát Việt Nam cao nhất khu vực"

Theo báo cáo mới nhất về Kinh tế châu Á của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), GDP của Việt Nam trong quý 2/2011 dự kiến tăng chậm khi chính phủ thực thi chính sách thắt chặt tiền tệ và cắt giảm chi tiêu công nhằm kiềm chế lạm phát.

ADB cho rằng, lạm phát và nhu cầu bên ngoài yếu là nguyên nhân chính khiến tăng trưởng kinh tế giảm sút. (ảnh: TX).

Cụ thể, trong quý 1/2011, tốc độ tăng trưởng GDP giảm nhẹ, đạt mức 5,4% và trong quý 2/2011 dự kiến chỉ đạt 5,7%. Tính chung cả năm 2011, GDP Việt Nam dự báo sẽ ở mức 6,1% và kỳ vọng tăng trưởng 6,7% trong năm 2012.

Không chỉ kinh tế Việt Nam tăng trưởng chậm lại mà các nền kinh tế Đông Á mới nổi khác cũng sẽ có tốc độ vừa phải trong năm nay và năm 2012. ADB dự đoán, tăng trưởng GDP chung của các nền kinh tế Đông Á mới nổi đạt 7,9% trong năm 2011 và 7,7% trong năm 2012.

ADB cho rằng, lạm phát và nhu cầu bên ngoài yếu là nguyên nhân chính khiến tăng trưởng kinh tế giảm sút.

Theo ADB, lạm phát ở châu Á đang dao động ở khoảng 3-6%. Trong đó, Việt Nam ghi nhận mức lạm phát cao nhất trong khu vực với 20,8%.

VND cũng là đồng tiền duy nhất trong khu vực giảm giá so với USD, với việc mất 9,3% giá trị trong tháng 2 do thâm hụt tài khoản vãng lai lớn và dự trữ ngoại hối thấp.

Thị trường chứng khoán Việt Nam mất gần 11,2% giá trị, mức giảm lớn nhất trong khu vực đông Á.

“Tăng trưởng đang chậm lại ở hầu hết các nền kinh tế Đông Á mới nổi do các chính quyền rút dần các biện pháp kích thích tài khóa và thực thi chính sách tiền tệ thắt chặt để đối phó với lạm phát đang tăng cao. Thật ra đó là một điều tốt để những nền kinh tế lớn như Trung Quốc không rơi vào tình trạng phát triển quá nóng”, ông Iwan Azis, Chủ nhiệm Văn phòng Hội nhập Kinh tế Khu vực của ADB phát biểu.

Báo cáo của ADB cũng cho biết, trong quý 2/2011, nền kinh tế lớn nhất khu vực này sẽ có mức tăng trưởng 9,5%, giảm nhẹ so với mức 9,7% đạt được trong quý 1/2011. Dự đoán cả năm 2011, tăng trưởng kinh tế Trung Quốc sẽ đạt ở mức ổn định 9,6% và 9,2% trong năm 2012.

Theo ADB, triển vọng kinh tế khu vực nói chung hiện đang phụ thuộc vào các yếu tố chính: lạm phát tăng cao sẽ dẫn đến quy luật vòng xoáy lương-giá; sự hồi phục kinh tế yếu hơn mức dự đoán của Nhật Bản và các vấn đề về nợ không được giải quyết tại Hoa Kỳ và khu vực đồng euro; thị trường tài chính biến động hơn; và dòng vốn đầu tư không ổn định.

Dantri (28/7/2011)

3. Việt Nam đón đầu dòng vốn từ Nhật Bản

Ngoài việc tập trung tái thiết kinh tế trong nước, 40% số công ty Nhật đang nghĩ tới việc chọn điểm đầu tư an toàn ở nước ngoài trong đó Việt Nam là một điểm đến được xem xét.

Thông tin trên được ông T. Obama - Giám đốc điều hành, Chủ tịch Ban quản lý thông tin và phát triển thương mại khu vực châu Á - Thời báo Kinh tế Nikkei (Nhật Bản) đưa ra trong quá trình chuẩn bị cho Hội thảo "Các kịch bản phục hồi và tái thiết Nhật Bản - xu hướng đầu tư ra nước ngoài" tại Hà Nội vào ngày 10/8 tới do Cục Đầu tư Nước ngoài (Bộ KH&ĐT), Đại sứ quán Nhật Bản và Thời báo Nikkei phối hợp tổ chức.

Ngoài ODA, việc các DN Nhật đẩy mạnh đầu tư ra nước ngoài là cơ hội tốt để thu hút FDI vào VN

Ông T. Obama dẫn kết quả điều tra của Nikkei đối với 130 công ty lớn của Nhật cho biết: 70% số công ty tin tưởng chỉ trong một năm nền kinh tế Nhật Bản sẽ phục hồi như trước khi xảy ra thảm họa động đất, sóng thần. 40% các công ty cho biết đang tính chuyện mở rộng chi nhánh, liên doanh với nước ngoài để có điểm đầu tư an toàn.

"Trong đó, các công ty Nhật nghĩ tới Việt Nam như là một trong những thị trường đầu tiên", ông Obama cho hay. Theo ông đó là một cơ hội để các doanh nghiệp Việt Nam và Nhật Bản liên kết với nhau, cùng phát triển.

Về phía mình, ông Đỗ Nhất Hoàng - Cục trưởng Cục Đầu tư nước ngoài cho rằng đây là một cơ hội tốt để đón đầu nguồn vốn này. Dẫn chứng là FDI từ Nhật bản vào Việt Nam trong bảy tháng đầu năm đạt 720 triệu USD, với 94 dự án ở nhiều ngành, địa phương. Đến nay, Nhật Bản là đối tác chiến lược hàng đầu của Việt Nam, với 1560 dự án còn hiệu lực chiếm tổng số vốn đăng ký 21,6 tỷ USD.

"Chính phủ một mặt đề nghị các bộ, ngành tích cực thúc đẩy quan hệ song phương, đồng thời đã có các hoạt động xúc tiến đầu tư từ Nhật Bản; các bộ ngành, địa phương cũng đã triển khai để đón dòng vốn từ Nhật", ông Hoàng cho biết.

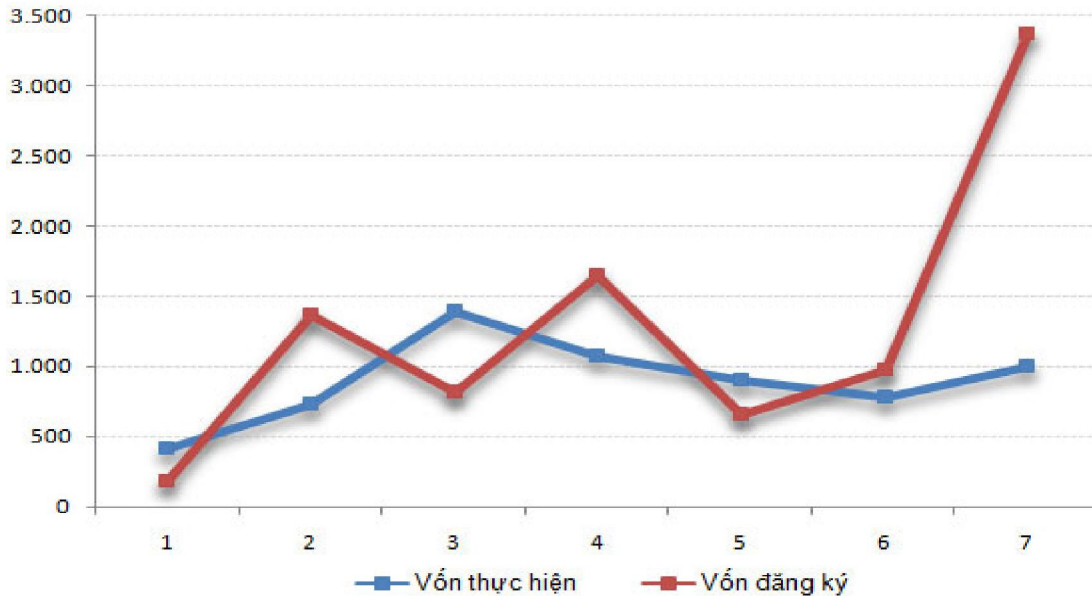
Theo con số của Cục Đầu tư nước ngoài, thảm họa động đất và sóng thần hồi tháng 3/2011 gây thiệt hại gần 210 tỷ USD cho Nhật Bản (chưa tính thiệt hại do sự cố hạt nhân Fukushima I). Mặc dù vậy, tháng 6 vừa qua Nhật Bản đã ký công hàm trao đổi tín dụng ưu đãi trị giá trên 58 yên dành cho Việt Nam. Hiện nguồn ODA song phương của Nhật Bản chiếm tới 30% tổng ODA vào Việt Nam.

Hội thảo chính thức "Các kịch bản phục hồi và tái thiết Nhật Bản - xu hướng đầu tư ra nước ngoài" sẽ được tổ chức vào ngày 10/8 tại Hà Nội, với sự tham gia của lãnh đạo Chính phủ, nhiều bộ ngành Việt Nam, đại sứ các nước và cộng đồng các DN Việt Nam, Nhật Bản.

Dantri (27/7/2011)

4. Vốn FDI đột ngột tăng mạnh trong tháng 7

Hình 8: Diễn biến FDI đăng ký 7 tháng đầu năm



Diễn biến vốn FDI đăng ký và thực hiện tại Việt Nam trong 7 tháng qua (đơn vị: triệu USD).

Chỉ trong một tháng, các số liệu về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam đã có sự thay đổi chóng mặt

Theo tính toán từ số liệu do Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) vừa công bố, giải ngân vốn FDI trong tháng 7 đã đạt khoảng 1 tỷ USD, gần theo kịp tháng giải ngân cao nhất của năm nay, tính cho đến thời điểm này. Diễn biến này cũng phá vỡ xu hướng giảm vốn FDI giải ngân, là mối quan ngại của hai tháng trước đó.

Còn tính chung 7 tháng đầu năm 2011, giải ngân vốn FDI đã đạt 6,3 tỷ USD, chỉ còn thấp hơn cùng kỳ năm ngoái 1,6% (tháng trước kém 1,9%). Cùng với nhập siêu thu hẹp trong 2 tháng nay, con số giải ngân vốn FDI tại tháng này cho thấy cán cân thanh toán tổng thể tiếp tục được hỗ trợ.

Nhưng đột biến lại nằm ở con số vốn FDI đăng ký mới. Trong tháng 7, chỉ có thêm 49 dự án được cấp chứng nhận đầu tư, thấp nhất trong khoảng 6 tháng gần đây, nhưng số vốn đăng ký mới đột ngột cộng thêm tới 3,23 tỷ USD, một con số gợi lại thời kỳ thu hút FDI "nóng bỏng" vài năm trước.

Tuy vậy, tổng số vốn đăng ký cho tới thời điểm này mới đạt khoảng 7,63 tỷ USD, vẫn giảm tới 27,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Số dự án đăng ký mới là 504, giảm 33,9% so với cùng kỳ.

Phía vốn đăng ký tăng thêm, trong tháng có thêm 15 dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đã đăng ký trong giai đoạn trước, nay đăng ký tăng vốn với

tổng vốn đăng ký là 148 triệu USD. Dù có cải thiện hơn nhiều so với cách đây một tháng, nhưng mức thu hút này còn kém xa các tháng cuối quý 1 và đầu quý 2.

Tính gộp trong 7 tháng qua, đã có 147 dự án FDI đăng ký tăng vốn, trị giá gần 1,42 tỷ USD, giảm 45,8% về số dự án nhưng tăng 0,6% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước.

Triển vọng kinh doanh của khối doanh nghiệp FDI thể hiện qua các chỉ tiêu về kim ngạch xuất, nhập khẩu vẫn duy trì gam màu sáng.

Kim ngạch xuất khẩu của khối này trong 7 tháng năm 2011, nếu kể cả dầu thô, ước đạt 27,82 tỷ USD, tăng tới 33,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Nếu không kể dầu thô thì đạt gần 23,7 tỷ USD, tăng tương ứng 32,8%.

Như vậy, tính cả kim ngạch xuất khẩu dầu thô, khối này xuất siêu khoảng 2,4 tỷ USD; không kể dầu thô thì nhập siêu 1,7 tỷ USD.

Đã có những dự án quy mô vốn lớn tạo nên thay đổi trên bảng tổng sắp. Theo ghi nhận từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài, trong tháng có thêm 1 dự án thuộc lĩnh vực sản xuất điện, nước, điều hòa với vốn đăng ký trên 2 tỷ USD, đưa lĩnh vực này từ vị trí thứ 6 trong tháng trước lên trám vào thứ 2 trong tháng này.

Hồng Kông có thêm 3 dự án lớn đăng ký trong tháng, nhảy từ vị trí thứ 3 tại tháng trước lên đầu bảng trong danh sách các nền kinh tế đăng ký đầu tư lớn nhất vào Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2011.

VnEconomy (22/7)

5. Nợ công năm 2011 của Việt Nam tiếp tục tăng

Theo báo cáo của Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại, tính đến ngày 31/12/2010, tổng số dư nợ công ở mức 1.122 nghìn tỷ đồng, tương đương 56,7% GDP năm 2010 và dự kiến tổng số nợ công sẽ ở mức khoảng 1.375 nghìn tỷ đồng, bằng khoảng 58,7% GDP năm 2011.

Cũng theo báo cáo này, ước tổng số dư nợ nước ngoài của quốc gia ở mức 835 nghìn tỷ đồng, bằng 42,2% GDP năm 2010 và dự kiến nợ nước ngoài của quốc gia sẽ ở mức 44,5% GDP năm 2011.

Như vậy, các chỉ số trên vẫn trong giới hạn an toàn như theo Quyết định số 211/2004/QĐ-TTg ngày 14/12/2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt định hướng phát triển tài chính Việt Nam đến năm 2010.

Ngoài ra, theo khuyến cáo của một số nhà kinh tế và kinh nghiệm của một số nước thì nợ công ở mức 60% GDP là giới hạn an toàn.

Mặc dù vậy, xu hướng gia tăng các khoản nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia là đáng lưu ý, đặc biệt khoản vay nước ngoài của các doanh nghiệp trong những tháng đầu năm 2011 do chính sách tiền tệ, tín dụng trong nước thắt chặt, huy động vốn trong nước khó khăn.

Cũng theo Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại, đơn vị này đã và đang chủ động nghiên cứu để xây dựng khuôn khổ pháp lý, có các đề xuất về hoạt động quản lý rủi ro nhằm kiểm soát nợ công và nợ nước ngoài một cách hiệu quả.

Dantri (9/7/2011)

6. World Bank tài trợ Việt Nam 710 triệu USD

Ngày 13/7, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Thế giới (WB) đã ký hiệp định tài trợ 710 USD cho 3 dự án.

Theo bà Victoria Kwakwa, Trưởng đại diện Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam cho biết, mục tiêu của việc tài trợ vốn 3 dự án trên nhằm tăng cường hiệu quả đầu tư công từ việc chuẩn bị và thẩm định dự án, đấu thầu, quản lý tài chính công.

Bên cạnh đó, việc ký kết khoản vay ngày hôm nay cũng góp phần cung cấp nước sạch, đối phó với biến đổi khí hậu cho khu vực dân cư thuộc dự án... Các dự án trên không chỉ hỗ trợ về mặt cơ sở hạ tầng mà hỗ trợ cả các vấn đề chính sách.

Khoản vay dự án Cấp nước và nước thải đô thị giai đoạn 1 là 200 triệu USD. Mục tiêu của dự án nhằm cải thiện điều kiện vệ sinh cấp nước sạch, thu gom và xử lý chất thải thoát nước. Việc hoàn thành mục tiêu này sẽ được lượng hóa bằng các chỉ số: mở rộng mạng lưới bao phủ, tăng lượng nước thải được xử lý, giảm ngập úng trong khu vực đô thị, tăng cường tính bền vững bằng cách tăng các chỉ số hoạt động, giá nước và phí nước thải.

Việc cấp nước bao gồm 7 dự án thành phần tại các tỉnh: Quảng Ninh, Ninh Bình, Quảng Nam, Kiên Giang, Lâm Đồng, Bình Dương, Bình Phước. Thu gom xử lý nước thải bao gồm 7 dự án thành phần tại các tỉnh Ninh Bình; Nghệ An, Thanh Hóa, Quảng Trị, Quảng Nam, Lâm Đồng, Bình Phước.

Khoản vay chính sách Phát triển Chương trình Cải cách Đầu tư công lần thứ 2 có tổng trị giá là 350 triệu USD. Các lĩnh vực chính sách được cải thiện trong khuôn khổ khoản vay lần thứ hai tập trung vào các lĩnh vực: rà soát môi trường cho dự án đầu tư cơ sở hạ tầng từ nguồn vốn công; quản lý môi trường; chuẩn bị và thẩm định dự án, quản lý tài chính công, giám sát và đánh giá dự án.

Khoản vay thứ 3 dành cho dự án quản lý thủy lợi phục vụ phát triển nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long với tổng nguồn vốn tài trợ 160 triệu USD. Phạm vi thực hiện dự án tại 7 tỉnh, thành phía Tây vùng Đồng bằng sông Cửu Long gồm các tỉnh An Giang, Hậu Giang, Kiên Giang, Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng và thành phố Cần Thơ.

Dự án nhằm bảo vệ và nâng cao hiệu quả sử dụng nước ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, tăng năng suất nông nghiệp theo hướng bền vững, nâng cao công tác cấp nước sạch cho các hộ dân ở vùng nông thôn và góp phần thích nghi với biến đổi khí hậu.

Theo Hải Yến

TTXVN/Vietnam+ (14/7/2001)

7. Bộ Công Thương dự báo xuất khẩu rau quả Việt Nam năm nay

Nhu cầu của nhiều thị trường trên thế giới tiếp tục tăng, đó chính là cơ sở để Bộ Công Thương đưa ra dự báo xuất khẩu rau quả trong năm 2011 sẽ thu về cho Việt Nam khoảng 500 triệu USD.

Nửa đầu năm 2011, xuất khẩu rau quả của Việt Nam đạt kim ngạch 297,8 triệu USD, tăng 29,8% so với năm 2010, nhờ sự tăng trưởng mạnh về nhu cầu tại các thị trường nhập khẩu. Số liệu thống kê từ hải quan cũng cho thấy, trong tháng 6 qua đã có 49 thị trường nhập khẩu rau quả của Việt Nam, tăng 1 thị trường so với cùng kỳ năm ngoái.

Trên cơ sở đó, Bộ Công Thương dự kiến năm 2011 kim ngạch xuất khẩu của mặt hàng này sẽ đạt 500 triệu USD, tăng 10% so với năm qua.

Mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam được xác định gồm các loại quả nhiệt đới như thanh long, dưa, xoài, quả bơ, đu đủ, mít và các loại rau quả đóng hộp và chế biến.

Đối với trái cây tươi, thanh long Việt Nam rất được ưa chuộng và là loại quả được xuất khẩu nhiều nhất. Còn đối với loại quả chế biến đông lạnh thì dưa là loại quả có tốc độ tăng trưởng nhập khẩu cao nhất.

Đài Loan, Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Nga, Canada và Trung Quốc vẫn là những thị trường nhập khẩu chính đối với các loại quả nhiệt đới tươi. Giao dịch các loại quả nhiệt đới khác dự báo cũng sẽ tăng nhanh trong những năm tới với tốc độ tăng trưởng cao.

Với quốc gia láng giềng Trung Quốc, Bộ Công Thương ước tính nhu cầu nhập khẩu những năm gần đây vào khoảng 680 triệu USD/năm và xuất khẩu của

Việt Nam năm 2010 vào thị trường này mới chỉ chiếm 4% kim ngạch nhập khẩu. Dự báo năm 2011 nhu cầu nhập khẩu mặt hàng rau, củ, trái cây tươi từ thị trường này sẽ tăng mạnh do thời gian qua Trung Quốc đã bị hạn hán, lũ lụt xảy ra trên diện rộng.

Nhật Bản có nhu cầu nhập khẩu rau quả những năm gần đây đạt gần 6 tỷ USD/năm, trong khi xuất khẩu rau quả của Việt Nam năm 2010 vào Nhật Bản chỉ chiếm 0,3% kim ngạch nhập khẩu và có tốc độ giảm do các qui định khắt khe về vệ sinh an toàn thực phẩm. Tuy nhiên Bộ Công Thương cho rằng, năm 2011 thị phần xuất khẩu rau quả của Việt Nam vào thị trường này sẽ chiếm khoảng 0,7%, tương đương kim ngạch đạt trên 60 triệu USD.

Liên bang Nga với nền kinh tế phát triển vượt bậc trong những năm qua, nhu cầu tiêu thụ các mặt hàng rau quả chế biến đóng hộp cũng được dự báo là sẽ tăng đột biến. Theo đó, Việt Nam cần phấn đấu đạt kim ngạch xuất khẩu vào thị trường này trong năm 2011 là 70 triệu USD.

Thị trường châu Âu nhu cầu trái cây tươi vào khoảng 75 triệu tấn/tấn, rau tươi là 62 triệu tấn/năm, nhưng xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường này chỉ mới chỉ chiếm 0,08% kim ngạch nhập khẩu. Trong khi đó, các quốc gia lớn như: Đức, Pháp, Hà Lan, Anh được đánh giá là thị trường nhập khẩu lớn nhất thế giới về mặt hàng trái cây nhiệt đới.

Bên cạnh các thị trường chủ lực, Bộ còn ước tính một số thị trường mới nổi trong 2 năm gần đây về tiêu thụ trái cây nhiệt đới của Việt Nam là các nước trong khối ASEAN gồm Indonesia, Singapore, Malaysia, năm 2011 cũng sẽ chiếm 10% kim ngạch xuất khẩu của ngành rau quả.

Vneconomy (29/7/2011)

8. Bất ổn kinh tế vĩ mô: Thách thức lớn nhất

Nguy cơ lạm phát cao, bất ổn kinh tế vĩ mô đã trở thành thách thức lớn nhất đối với nền kinh tế Việt Nam năm 2011.

Đây là nhận định được nêu bật tại báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và các giải pháp thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2011 của Chính phủ tại kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa 13, khai mạc sáng nay (21/7).

Tại nghị quyết kỳ họp thứ chín cuối tháng 3 vừa qua, Quốc hội khóa 12 cũng đã yêu cầu Chính phủ tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm nhằm thực hiện mục tiêu ưu tiên hàng đầu là kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội.

Bản thông tin kinh tế - xã hội tháng 7, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

Nhắc lại ưu tiên này tại báo cáo thẩm tra tình hình kinh tế, xã hội 6 tháng đầu năm, Ủy ban Kinh tế của Quốc hội cũng đồng thời chỉ ra những yếu tố được cho là “làm tăng nguy cơ mất ổn định kinh tế” Việt Nam.

Đó là tình hình lạm phát, lãi suất, tỷ giá những tháng đầu năm 2011 tiếp tục có biến động mạnh và diễn biến phức tạp. Trong đó, lãi suất tiền gửi VND có thời điểm lên tới 16-17%/năm, lãi suất cho vay 18-20%/năm; tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do biến động mạnh và có thời điểm cao hơn tỷ giá giao dịch chính thức gần 10%...

Khẳng định những kết quả tích cực ban đầu trong phát triển kinh tế xã hội, song Chính phủ cũng báo cáo Quốc hội những khó khăn rất lớn của nền kinh tế. Như, mặt bằng lãi suất vẫn ở mức cao, nợ xấu của hệ thống ngân hàng có xu hướng tăng, nhập siêu cao...

“Khu vực sản xuất kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn, do phải tiếp tục thực hiện chính sách thắt chặt tài khóa, tiền tệ và kiềm chế lạm phát”, Phó thủ tướng Nguyễn Sinh Hùng nói.

Nhận định “nền kinh tế nước ta mới thu được kết quả bước đầu về ổn định kinh tế vĩ mô”, trong khi tình hình kinh tế thế giới được dự báo sẽ còn diễn biến phức tạp, khó lường, báo cáo của Chính phủ nhấn mạnh: cần thống nhất tư tưởng chỉ đạo là tiếp tục thực hiện nhất quán, lâu dài chủ trương kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội.

Với ưu tiên ổn định kinh tế vĩ mô được nhắc lại nhiều lần, Chính phủ cho rằng mức hợp lý cho tăng trưởng GDP năm nay khoảng 6%. Đây cũng là mức được coi để bảo đảm nguồn lực cần thiết thực hiện các mục tiêu về an sinh xã hội và giải quyết việc làm, đồng thời tạo điều kiện và tiền đề phấn đấu năm 2012 tốc độ tăng trưởng đạt khoảng 6,5% và các năm tiếp theo sẽ ở mức cao hơn, Phó thủ tướng nói.

Cũng nằm trong mục tiêu ưu tiên, dù đã nới mức lạm phát từ 7% theo yêu cầu của Quốc hội lên mức 15 - 17%, song Chính phủ cũng xác định điều hành theo hướng phấn đấu để năm sau và các năm tiếp theo sẽ giảm được con số này và trở về mức 1 con số và thấp hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Trước mắt, thời gian còn lại của năm 2011, Chính phủ xác định sẽ tiếp tục thực hiện điều hành chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng; điều hành tăng trưởng tín dụng ở mức hợp lý theo quý, tháng phù hợp với diễn biến thị trường, đặc biệt là vào các thời điểm mùa vụ sản xuất, kinh doanh khi nhu cầu vốn tăng cao.

“Các công cụ của chính sách tiền tệ sẽ được sử dụng linh hoạt, hiệu quả để giảm sức ép lạm phát, giảm lãi suất xuống mức phù hợp, nhằm hỗ trợ sản xuất

kinh doanh, đảm bảo thanh khoản của hệ thống tín dụng, ngân hàng và toàn bộ nền kinh tế”, Phó thủ tướng Nguyễn Sinh Hùng nhấn mạnh.

Từ góc nhìn của cơ quan thẩm tra, đa số ý kiến trong Ủy ban Kinh tế cũng cho rằng, mặc dù kinh tế vĩ mô đã có chuyển biến theo hướng tích cực, một số lĩnh vực có dấu hiệu trở lại quỹ đạo ổn định, nhưng tình hình kinh tế 6 tháng cuối năm 2011 còn không ít khó khăn, thách thức.

Đồng tình với việc tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt, thận trọng và chính sách tài khóa, song cơ quan thẩm tra đề nghị trong điều hành cần bảo đảm đúng hướng, đúng lúc, đúng liều lượng, nhằm hạn chế thấp nhất những tác động bất lợi đối với đầu tư, sản xuất kinh doanh.

“Điều tiết tăng trưởng tín dụng và giải ngân vốn đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách đều trong năm, tránh tình trạng khối lượng tiền tăng cao vào cuối năm gây sức ép cân đối tiền hàng, làm gia tăng lạm phát”, Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế khóa 12 Hà Văn Hiến nhấn mạnh.

Nằm trong nhóm nhiệm vụ, giải pháp cho 6 tháng cuối năm, báo cáo thẩm tra cũng đặc biệt lưu ý vấn đề đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Bởi, đa số ý kiến trong Ủy ban Kinh tế cho rằng, nguyên nhân chủ yếu có tính căn nguyên của những hạn chế của nền kinh tế hiện nay là xuất phát từ sự yếu kém nội tại.

Vneconomy.(ngày 21/7)

9. Thủ tướng ra công điện chống lạm phát

Ngày 9/7, Thủ tướng Chính phủ có Công điện gửi các bộ, ngành, địa phương, yêu cầu tăng cường công tác quản lý, tập trung triển khai quyết liệt các biện pháp kiểm tra, kiểm soát giá cả, thị trường.

Công điện của Thủ tướng nêu rõ, 6 tháng đầu năm 2011, nền kinh tế nước ta phải đối mặt với nhiều khó khăn mới, tăng trưởng kinh tế có xu hướng chậm lại, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng mặc dù có giảm nhưng vẫn ở mức cao, mặt bằng lãi suất ở mức cao, gây nhiều khó khăn cho sản xuất kinh doanh.

Trong những ngày đầu tháng 7, ở một số địa phương xảy ra tình trạng giá lương thực, thực phẩm tăng cao, gây ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân cũng như mục tiêu kiềm chế lạm phát.

Bản thông tin kinh tế - xã hội tháng 7, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

Theo đó, Thủ tướng yêu cầu các bộ, ngành, địa phương khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ nhằm kiểm soát giá cả thị trường, không để xảy ra tình trạng đầu cơ, găm hàng, tăng giá tùy tiện và bất hợp lý.

Cụ thể, chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố tăng cường công tác quản lý giá cả, thị trường; chỉ đạo các cơ quan chức năng tập trung triển khai quyết liệt các biện pháp kiểm tra, kiểm soát giá cả, kiểm soát chặt chẽ việc tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý giá trên địa bàn.

Ngoài ra, các đầu mối này cần chỉ đạo và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh các mặt hàng thiết yếu, nhất là các mặt hàng lương thực, thực phẩm, bảo đảm cho nhu cầu tiêu dùng và tăng thu nhập cho nhân dân; xử lý kiên quyết, kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về giá, nhất là việc lợi dụng chủ trương của Nhà nước về điều hành giá một số mặt hàng theo cơ chế thị trường để tăng giá bất hợp lý, đưa tin thất thiệt, gây tâm lý hoang mang trên địa bàn.

Thủ tướng giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và các địa phương tiếp tục theo dõi sát diễn biến giá thị trường trong nước và quốc tế để kịp thời ban hành chính sách thuế phù hợp và có biện pháp điều tiết, bình ổn thị trường, không để xảy ra đột biến giá các mặt hàng thiết yếu, liên quan trực tiếp đến sản xuất và đời sống; kiên trì và nhất quán trong điều hành giá điện, xăng dầu, than theo cơ chế thị trường trên cơ sở tính toán lộ trình, thời điểm phù hợp với tình hình và mục tiêu kiềm chế lạm phát mà Chính phủ đã đề ra.

Bộ Công Thương phối hợp với các Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Xây dựng có biện pháp thúc đẩy sản xuất, điều hòa xuất nhập khẩu, bảo đảm cân đối cung cầu các mặt hàng thiết yếu như lương thực, thực phẩm, xăng dầu, phân bón, sắt thép, thuốc chữa bệnh; không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, gây sốt giá, ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống nhân dân.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Bộ Công Thương và UBND các tỉnh có đường biên giới khẩn trương kiểm tra và có biện pháp quản lý chặt chẽ việc xuất khẩu lương thực, thực phẩm sang các nước có chung đường biên giới, nhằm bảo đảm nguồn cung hàng hóa trong nước và nguyên liệu sản xuất hàng xuất khẩu, tránh tình trạng đẩy giá lên cao, gây tác động bất lợi đến chỉ số CPI trong nước và mục tiêu kiềm chế lạm phát.

Thủ tướng cũng yêu cầu các tập đoàn kinh tế, các tổng công ty nhà nước chủ động thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí, xây dựng căn cứ và lộ trình tăng giá phù hợp đối với những mặt hàng thuộc danh mục bình ổn giá theo quy định của pháp luật; tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về đăng ký giá, kê khai giá, niêm yết giá và bán theo giá niêm yết.

Vneconomy (9/7/2011)

10. Kinh tế 6 tháng cuối năm: Lạc quan và lo ngại

Kết thúc 6 tháng đầu năm, cũng là chuẩn bị cho kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa mới vào cuối tháng này, những lạc quan và cả lo ngại về những bước đi tiếp theo của nền kinh tế đang được “cân đong” trên nhiều diễn đàn.

Buổi họp cho ý kiến về báo cáo của Chính phủ về tình hình kinh tế xã hội 6 tháng qua và giải pháp trong 6 tháng tới của Ủy ban Thường vụ Quốc hội vừa diễn ra có mặt người đứng đầu của cả ba ngành trọng yếu của nền kinh tế: kế hoạch đầu tư, tài chính và ngân hàng.

Không quá lạc quan với kết quả kinh tế 6 tháng, khi GDP tăng trưởng thấp hơn cùng kỳ năm trước, trong khi lạm phát đã gần gấp đôi kế hoạch, song Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Võ Hồng Phúc đã đưa ra dự báo rằng kinh tế Việt Nam có thể có thêm nhiều cơ hội, nhất là hoạt động xuất khẩu từ những dấu hiệu phục hồi tích cực của các nền kinh tế phát triển trên thế giới, đặc biệt là liên minh châu Âu.

Ở trong nước, với xu hướng công nghiệp tiếp tục tăng trưởng nhanh, sản xuất nông lâm nghiệp đạt kết quả khá, du lịch, dịch vụ có triển vọng, Bộ trưởng Phúc đưa ra dự báo GDP 6 tháng cuối năm có thể cao hơn 6 tháng qua và cả năm có thể tăng khoảng 6% (thấp hơn chỉ tiêu 7 - 7,5% đã được Quốc hội thông qua).

Nhận định nền kinh tế từ nay đến cuối năm “đứng trước nhiều khó khăn thách thức”, người đứng đầu ngành kế hoạch và đầu tư lo ngại: lãi suất còn cao, nhập siêu tiềm ẩn xu hướng tăng, trong khi tỷ giá và giá cả hàng hóa nhập khẩu diễn biến phức tạp có thể ảnh hưởng đến khả năng cải thiện cán cân thanh toán, gây khó khăn trong việc kiềm chế lạm phát, bình ổn giá cả thị trường cũng như phát triển sản xuất, kinh doanh.

Trình bày báo cáo về ngân sách Nhà nước ngay sau Bộ trưởng Phúc, Bộ trưởng Bộ Tài chính Vũ Văn Ninh còn đề cập đến yếu tố đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm và việc thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt sẽ gây khó khăn nhất định cho sản xuất, kinh doanh.

Đặc biệt, áp lực lạm phát, theo vị “tư lệnh” ngành tài chính, đang rất lớn. Đáng lo ngại nhất là nhóm hàng hóa nguyên nhiên vật liệu, nhất là xăng dầu. Nhiều tháng nay dầu thô giữ mức giá cao, trên 100 USD/thùng, gần đây có hạ, nhưng lại có nghịch lý là tuy dầu thô hạ, nhưng giá dầu tinh vẫn đất đõ.

“Nếu giá dầu thô tiếp tục ở vào khoảng 97 - 100 USD/ thùng thì chúng ta sẽ phải tiếp tục điều chỉnh giá xăng dầu. Trong khi đó, ngành điện cũng đang lỗ lớn. Phải đến năm 2013 giá điện mới có thể đi theo giá thị trường”, ông Ninh giải thích trong quan ngại.

Bản thông tin kinh tế - xã hội tháng 7, Trường Đại học kinh tế Quốc dân

Ghi nhận “kinh tế vĩ mô đã có chuyển biến tích cực”, song Ủy ban Kinh tế của Quốc hội cũng có chung lo ngại về không ít khó khăn trước mắt cũng như lâu dài của nền kinh tế. Nhất là ảnh hưởng của chính sách tiền tệ và tài khóa thắt chặt đến sản xuất, kinh doanh.

Cũng liên quan đến yếu tố này, theo Ủy ban Tài chính - Ngân sách thì mặt trái của chính sách tiền tệ bắt đầu bộc lộ. Biểu hiện là thị trường bất động sản, chứng khoán sụt giảm mạnh, lạm phát và lãi suất tăng cao làm chi phí đầu vào bị đẩy lên.

“Tình trạng thiếu vốn sản xuất kinh doanh và thu hút đầu tư phát triển giảm đã tác động bất lợi đến sản xuất kinh doanh trong nước, từ đó ảnh hưởng tới việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng, giải quyết việc làm, bảo đảm an sinh xã hội”, Chủ nhiệm Phùng Quốc Hiển lo lắng.

Nhấn mạnh “nền kinh tế mới thu được kết quả bước đầu về ổn định kinh tế vĩ mô”, trong thời gian còn lại của năm, Chính phủ vẫn đặt giải pháp tiếp tục tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô lên hàng đầu.

“Chính phủ sẽ có bước đi thận trọng, xem xét kỹ các tác động đến giá cả trong trường hợp cần điều chỉnh tỷ giá VND/USD và giá cả một số đầu vào thiết yếu”, Bộ trưởng Võ Hồng Phúc báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bên cạnh đó, báo cáo của Chính phủ cũng nêu rõ giải pháp quán triệt các ngân hàng thương mại tạo sự đồng thuận, tiết kiệm chi phí hoạt động để bảo đảm lãi suất cho vay ở mức hợp lý, từng bước giảm lãi suất cho vay phục vụ sản xuất để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hạ thấp chi phí.

Sẽ theo dõi sát diễn biến giá thị trường trong nước và quốc tế để kịp thời có biện pháp điều tiết, bình ổn giá thị trường, không để xảy ra đột biến giá các mặt hàng thiết yếu, liên quan đến đời sống, Bộ trưởng Ninh khẳng định.

Cũng theo ông Ninh thì Chính phủ kiên trì và nhất quán trong điều hành giá điện, xăng dầu, than theo cơ chế thị trường, trên cơ sở tính toán lộ trình, thời điểm phù hợp với tình hình và mục tiêu kiềm chế lạm phát, bảo đảm an sinh xã hội.

Vneconomy (1/7/2011)

11. Vàng lập đỉnh trên 40 triệu đồng/lượng

Sáng nay (30/7), giá mua vào của các thương hiệu vàng miếng đều đồng loạt tăng lên 40,15 triệu đồng/lượng. Đây là mức giá mua vào cao nhất trong lịch sử từ trước đến nay.

Tập đoàn DOJI thông báo giá mua bán tăng hơn 100.000 đồng mỗi lượng so với phiên cuối ngày hôm qua.

Ở Hà Nội, lúc 8h45 sáng, giá mua bán lẻ vàng miếng SJC là 40,04-40,12 triệu đồng (mua vào - bán ra). Biên độ mua bán chênh lệch 80.000 đồng. Với mua bán sỉ, DOJI công bố ở 40,05 triệu đồng thu mua và 40,10 triệu đồng chiều bán. Chênh lệch mua bán là 50.000 đồng. Tổng lượng giao dịch của DOJI trong ngày hôm qua tại khu vực Hà Nội và các tỉnh phía Bắc đạt 2.000 lượng. Trong đó, giao dịch chủ yếu ở khách lẻ với nhu cầu mua vàng vào.

Giá vàng Rồng Thăng Long của Bảo Tín Minh Châu niêm yết ở 40,03 – 40,14 triệu đồng/lượng.

Các doanh nghiệp lớn tại TP.HCM sáng nay niêm yết mua bán vàng miếng SJC ở 40,05-40,13 triệu đồng.

Theo SBJ - Sacombank, nhu cầu tích trữ vàng của người dân bắt đầu quay trở lại sau những đợt biến động mạnh mẽ của giá vàng, nếu như trước đây khi chinh phục mốc 39 triệu đồng/lượng, xuất hiện những đợt đổ xô bán vàng thì nay khi tiến sát mốc 40 triệu đồng/lượng thì lực bán chậm lại hẳn.

Cũng trong sáng nay, tỷ giá liên ngân hàng theo công bố của Ngân hàng Trung ương vẫn cố định 20.608 đồng. Các ngân hàng thương mại không có nhiều thay đổi trong mua bán đôla. Vietcombank niêm yết ở 20.560-20.610 đồng (mua vào - bán ra). ACB cũng giữ nguyên giá giao dịch so với ngày hôm qua, thu gom ở 20.540 đồng và bán ra ở 20.600 đồng.

Dddn (30/7/2011)

11. 10 kiến nghị ổn định kinh tế vĩ mô.

Việc hình thành một “chủ thuyết phát triển kinh tế” riêng cho Việt Nam trong đó ổn định kinh tế vĩ mô là ưu tiên hàng đầu và xuyên suốt sẽ là tiền đề cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững trong những giai đoạn (chu kỳ) tiếp theo.

Kiến nghị này của Ủy ban Kinh tế khóa 12 vừa được gửi đến Quốc hội khóa 13, trong bối cảnh bất ổn kinh tế vĩ mô đã trở thành thách thức lớn nhất đối với nền kinh tế Việt Nam năm 2011, theo nhận định của Chính phủ.

10 kiến nghị là kết quả được đúc rút từ nhiều diễn đàn quan trọng với những trao đổi đa chiều về những định hướng chiến lược và khuyến nghị cụ thể để kinh tế Việt Nam phục hồi và phát triển nhanh, cân bằng, bền vững hơn trong giai đoạn tới.

Kiến nghị 1: Để nền kinh tế phát triển bền vững trong trung và dài hạn cần bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô một cách vững chắc và coi đây là ưu tiên hàng đầu trong thời gian tới.

Phân tích nghịch lý ngược chiều giữa tăng trưởng và ổn định vĩ mô, cơ quan đưa ra kiến nghị cho rằng “lạm phát và bất ổn vĩ mô đã mang tính cơ cấu và lặp lại theo chu kỳ”.

Vì vậy, mặc dù vẫn đạt được mục tiêu tăng trưởng đề ra nhưng lạm phát cao và bất ổn vĩ mô với tần suất dày hơn, mức độ gay gắt hơn kéo dài trong nhiều năm đã làm giảm đi những thành tựu mà tăng trưởng mang lại.

Bởi thế, việc hình thành một chủ thuyết phát triển kinh tế riêng như đã nói trên đã được nhấn mạnh tại kiến nghị đầu tiên này.

Kiến nghị 2: Đổi mới mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng bền vững là một yêu cầu cấp bách để giải quyết tận gốc rễ các nguyên nhân gây ra bất ổn vĩ mô trong ngắn hạn.

Nhận định được đưa ra tại kiến nghị là cơ hội để tái cơ cấu nền kinh tế khi đối diện với tình trạng bất ổn và khủng hoảng như nhìn nhận lại mô hình tăng trưởng, nhận diện điểm yếu và xác định đúng các giải pháp, tiến hành điều chỉnh cơ cấu thể chế đã bị bỏ qua.

Một trong các nội dung cụ thể được kiến nghị là cần tái cấu trúc lại hệ thống ngân hàng, loại bỏ những ngân hàng quá yếu kém, là tác nhân của các cuộc đua lãi suất, gây bất ổn và rủi ro cho toàn hệ thống.

Kiến nghị 3: Thay đổi chiến lược phát triển công nghiệp dựa chủ yếu vào khu vực kinh tế nhà nước mà không xét tới yếu tố lợi thế so sánh, khuyến khích các ngành và khu vực có lợi thế so sánh và hiệu quả hơn.

Với nội dung này, Ủy ban Kinh tế tiếp tục nhấn mạnh ý kiến của nhiều chuyên gia kinh tế, rằng với chính sách công nghiệp đang theo đuổi, các tập đoàn và tổng công ty Nhà nước nhận được nhiều ưu đãi về tín dụng và chiếm tỷ trọng chi phối trong các dự án đầu tư công lớn.

Trong khi đó, khu vực tư nhân dù được đánh giá là hiệu quả hơn so với khu vực Nhà nước trong tạo việc làm và xuất khẩu, lại đang bị “lấn át”.

Kiến nghị 4: Để giải quyết triệt để thâm hụt thương mại, một trong những cân đối vĩ mô quan trọng trong nền kinh tế, bên cạnh chính sách tỷ giá, công cụ hành chính hay phát triển công nghiệp hỗ trợ thì vấn đề mấu chốt cần xử lý trong trung và dài hạn là chênh lệch tiết kiệm và đầu tư trong nền kinh tế.

Một trong những mất cân đối vĩ mô nghiêm trọng trong 10 năm qua là thâm hụt thương mại. Với nhìn nhận này, cơ quan gửi kiến nghị đến Quốc hội cho rằng, chừng nào chênh lệch giữa tiết kiệm và đầu tư - gốc rễ của thâm hụt - chưa được thu hẹp thì vấn đề nhập siêu chắc chắn sẽ tiếp tục kéo dài.

Kiến nghị 5: Kiên quyết cắt giảm đầu tư công và tăng cường kỷ luật tài khóa để giảm thâm hụt ngân sách và ổn định nợ công là yếu tố quan trọng để đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô và tăng trưởng bền vững trong trung và dài hạn.

Khẩn trương xây dựng Luật Đầu tư công - đề nghị mạnh mẽ của một số thành viên ủy ban tại diễn đàn Quốc hội - đã tiếp tục được nhấn mạnh tại bản kiến nghị.

Bởi, thâm hụt ngân sách và lãi suất cao cũng đã thu hẹp khá nhiều dư địa điều chỉnh của chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa, khiến các biện pháp điều hành của Chính phủ khó phát huy hiệu quả trước những cú sốc bất lợi của nền kinh tế.

Kiến nghị 6: Xây dựng nguyên tắc và cơ chế phối hợp trong việc hoạch định và thực thi chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ một cách nhất quán và cùng hướng tới các mục tiêu ưu tiên của đất nước.

Môi trường chính sách luôn ẩn chứa nhiều bất ổn và gây suy giảm niềm tin là hậu quả khi tính nhất quán, phối hợp trong các chính sách kinh tế vĩ mô vẫn là khâu yếu, bản kiến nghị nêu rõ.

Và, yêu cầu đặt ra hiện nay được nhấn mạnh là cần lấy lại niềm tin đối với quản lý kinh tế vĩ mô.

Kiến nghị 7: Tái cấu trúc khu vực doanh nghiệp nhà nước để bảo đảm nhiệm vụ cơ bản là khắc phục những khiếm khuyết của thị trường và cung cấp hàng hóa, dịch vụ công cộng thay vì đóng vai trò “chủ đạo” bằng cách đầu tư dàn trải và kém hiệu quả như hiện nay.

Luật Quản lý kinh doanh vốn Nhà nước được cho là đã hết sức cần thiết để quản lý mọi hoạt động kinh doanh sử dụng vốn và tài sản của Nhà nước.

Khi, trên thực tế hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế còn nhiều bất cập do sự can thiệp của Nhà nước chưa phù hợp với sự vận động của thị trường.

Kiến nghị 8: Phát triển đồng bộ và cơ cấu lại hệ thống ngân hàng thương mại, giảm thiểu rủi ro qua hệ thống giám sát an toàn thị trường tài chính nói chung và các ngân hàng thương mại nói riêng là nền tảng cơ bản để ổn định kinh tế vĩ mô và phát triển bền vững.

Ở nội dung này, bản kiến nghị đã phân tích những rủi ro lớn mà hệ thống tài chính - ngân hàng đang phải đối diện. Đó không chỉ là rủi ro thanh khoản, rủi ro đạo đức, mà còn là rủi ro chéo với các thị trường tài sản, như tín dụng bất động sản hay rủi ro chéo liên quan đến thị trường chứng khoán.

“Hệ thống ngân hàng Việt Nam hiện nay trở nên rất nhạy cảm và dễ tổn thương trước những cú sốc vĩ mô bất lợi”, bản kiến nghị đưa ra nhận định.

Kiến nghị 9: Kiểm soát hiệu quả các dòng vốn vào - ra (FDI, ODA, FII) là yếu tố quan trọng trong việc bảo đảm ổn định vĩ mô cũng như giảm thiểu rủi ro khủng hoảng tài chính trong trung và dài hạn.

Bên cạnh những tác động tích cực, Ủy ban Kinh tế cũng phân tích những tác động tiêu cực đến ổn định vĩ mô và triển vọng tăng trưởng dài hạn của nền kinh tế từ các dòng vốn nói trên.

Và một trong các kiến nghị cụ thể được nêu ra là sớm xây dựng và hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu giám sát tài chính cho Việt Nam để phát hiện kịp thời những rủi ro liên quan đến khu vực tài chính và sự dịch chuyển của các dòng vốn vào nền kinh tế.

Kiến nghị 10: Trong trung và dài hạn, phát triển nông nghiệp, nông thôn cần được coi là chính sách ưu tiên trong các chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tổng thể.

Với nội dung cuối cùng, bản kiến nghị đã đề xuất một số chính sách hỗ trợ cụ thể từ chính sách tài khóa, tiền tệ, thương mại.. cho nông nghiệp, nông thôn. Trong đó có việc tăng tín dụng và hỗ trợ lãi suất cho đầu tư khu vực này.

<http://vneconomy.vn/20110727041925573p0c9920/10-kien-nghi-on-dinh-kinh-te-v>

*Phụ trách chuyên mục: PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sơn
ThS. Phí Thị Hồng Linh
ThS. Bùi Thị Thanh Huyền
Địa chỉ email: nngocson@vdf.org.vn*